TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày 12 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Thẩm phán: Ông **Nguyễn Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Như Thiêm**; bà **Đào Kim Tuyến**; ông **Trần Quyết Tiến**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hà Thị Yến** - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa*:** bà **Vũ Thị Minh**, bà **Lù P Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 15/4/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2025/QĐXXST-HS ngày 30/5/2025, đối với các bị cáo:

1. Vương Thị M, sinh ngày 15/12/1973, tại huyện M, tỉnh H; số CCCD: 002173001998 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an cấp ngày 16/01/2024; nơi cư trú: Tổ 02, thị trấn ĐV, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Mí P, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Sùng Thị M, sinh năm 1941 (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt ngày 20/11/2024, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. **Vàng Thị C**, sinh ngày 20/10/1964, tại huyện M, tỉnh H; số CCCD: 002164007320 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an cấp ngày 24/10/2024; nơi cư trú: Tổ 02, thị trấn ĐV, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Mí P, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Sùng Thị M, sinh năm 1941 (đã chết); có chồng là Vũ Thái H, sinh năm 1954, có 01 con sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/4/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 06 tháng tù theo Bản án số 03/HSST về tội "Xuất nhập cảnh trái phép hoặc ở lại nước ngoài trái phép" (đã chấp hành án xong); bị cáo bị bắt ngày 17/02/2025, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Thị M:* Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vàng Thị C:* Bà **Nguyễn Thị Hiến** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Chị **Bùi Thanh P**, sinh ngày 16/11/2002; địa chỉ: Thôn Tân Tiến, xã HV, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:*

1. Luật sư **Phạm Thị Loan** - Văn phòng Luật sư Phạm Thị Loan và cộng sự, công tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Luật sư **Tạ Ngọc Vân** - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tạ Vân và cộng sự; địa chỉ: Số 879 Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1978; (có mặt tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiếp nhận đơn tố giác về tội phạm của công dân Bùi Thanh P, sinh ngày 16/11/2002, trú tại thôn Tân Tiến, xã HV, huyện Y, tỉnh Hà Giang tố cáo với nội dung: vào khoảng giữa tháng 8/2015, Bùi Thanh P bị hai chị em Vàng Thị C và Vương Thị M có hành vi lừa P để đưa sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc ép làm vợ Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 *(con trai M)*. Sau đó, đến tháng 8/2016, M đã bán P cho một người đàn ông Trung Quốc *(không rõ họ, tên và địa chỉ)* ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc mua về làm vợ. Lợi dụng sơ hở gia đình nhà chồng, cuối năm 2022, P đã bỏ trốn và trở về Việt Nam.

Quá trình điều tra xác định:

Năm 1995, Vương Thị M quen biết và có quan hệ tình cảm với một người đàn ông (*không xác định được địa chỉ*). Đến ngày 29/3/1996, M sinh con trai và đặt tên là Thành. Năm 2000, M lấy chồng là Nguyễn Văn Tích, sinh năm 1976 trú tại thôn Cường Thịnh, xã P Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Đến năm 2001, M sinh con và đặt tên Nguyễn Thị Xuân, lúc này M mới đăng ký khai sinh cho Thành là Nguyễn Văn T. Năm 2004, anh Tích chết, M để Thành và Xuân ở nhà tại xã P Tiến, huyện Vị Xuyên đi học, còn M về huyện Đồng Văn để làm ăn buôn bán. Đầu năm 2015, M đi chợ Mã Púng, Trung Quốc có gặp và quen biết một người đàn ông dân tộc Mông tên là Giàng Mí Quáng, sinh năm 1975; trú tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc *(không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể)*. M về ở và sinh

sống cùng Quáng ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc như vợ chồng. Đến cuối tháng 7/2015, M trở về Việt Nam chơi và thăm người thân, đồng thời đón Nguyễn Văn T sang nhà Quáng sinh sống và tìm việc làm. Ngày 12/8/2015, M đến nhà chị gái là Vàng Thị C, là giáo viên Trường Mầm non xã Sủng Là, huyện Đồng Văn *(đã nghỉ hưu năm 2019)*. M rủ C cùng xuống xã P Tiến, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang để đón Thành sang Trung Quốc sinh sống, C đồng ý và điều khiển xe M chở M từ thị trấn ĐV xuống thành phố Hà Giang thì trời tối nên C cùng M thuê phòng để ở.

Khoảng 09 giờ sáng ngày 13/8/2015, C chở M đến nhà anh Bùi Trường Giang, sinh năm 1963 trú tại tổ 10, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang chơi. Do trước đó, vào năm 2013, C có quen Hoàng Thị T, sinh năm 1978; trú tại thôn Tân Tiến, xã HV, huyện Y (*vợ anh Giang*). Sau đó, C thường xuyên đến nhà Tới chơi và biết chồng của chị Tới là anh Bùi Trường Giang. Hai vợ, chồng chị Tới có một con chung là Bùi Thanh P, sinh ngày 16/11/2002, C cũng biết cháu P.

Khi C và M đến thì anh Giang và cháu Hoàng Thanh Hoài *(con riêng của chị Tới)* đang rửa xe M cho khách. Cháu P pha nước mời M và C uống. C hỏi cháu P: *"Lâu lắm bác không gặp mẹ, dạo này mẹ ở nhà làm gì?"*, cháu P trả lời: *"Mẹ cháu đi Trung Quốc làm thuê lấy tiền để mua cho cháu chiếc xe đạp điện, cháu thích có xe đạp điện để đi học"*. M thấy cháu P xinh xắn, nhanh nhẹn nên nảy sinh ý định lừa cháu P đưa sang Trung Quốc để làm vợ của Thành, nhưng M chưa nói cho C biết. Sau đó, anh Giang mời C và M đi ăn sáng rồi bảo Hoài trông nhà. Tại quán ăn, C giới thiệu anh Giang với M để hai người làm quen. Đến khoảng 10 giờ 30 cùng ngày, anh Giang cùng cháu P về nhà, C và M về nhà nghỉ. Khi về đến phòng nhà nghỉ, M nói với C: *"Chị giúp em lừa cái P để em đưa nó sang Trung Quốc ở cùng, cho thằng Thành lấy làm vợ"*. C nhớ đến việc cháu P vừa nói chuyện cho C biết là muốn có một chiếc xe đạp điện để đi học nên C nghĩ ra cách lừa P và đồng ý giúp M.

Sáng ngày 14/8/2025, C chở M đến nhà anh Giang, rủ Giang đi cùng C và M xuống huyện Vị Xuyên tại nhà bạn của C chơi, ăn cơm trưa tại đó. Anh Giang cho P đi cùng. Tại đây, C hỏi P có sang Trung Quốc chơi không, P nói cháu còn phải học. C nói sang đó chơi với mẹ, khi nào học thì C đưa về. C còn nói với P: "*Cháu thích xe đạp điện thì cháu đi theo cô M sang Trung Quốc để M mua cho*". C đưa 300.000 đồng nói đây là tiền của mẹ cho, đồng thời C nói:*"Việc này đừng nói với ai, vì nói ra bố biết thì bố sẽ không cho đi"*, P đồng ý. C nói tiếp: *"Cô sẽ hẹn xe cho, sáng mai nhà xe sẽ gọi cháu, cô ở Yên Minh đợi"*.

Sau khi ăn cơm trưa ở nhà bạn của C xong, anh Giang, cháu P, C và M đi lên xã P Tiến, huyện Vị Xuyên chơi, ăn cơm chiều tại đó. Tại đây, P gặp và biết Nguyễn Văn T. Lúc này, M tranh thủ trò chuyện với P và cho nhau số điện thoại để liên lạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì anh Giang và cháu P về nhà ngủ. Ngày 15/8/2015, anh Giang đi lên Đồng Văn, P có nói với Hoài: *"Mai em đi Yên Minh"*, Hoài nói: *"Đợi bố về hãy đi"*, P không nói gì. Khoảng 04 giờ sáng ngày 16/8/2015, lái xe gọi điện cho P xác nhận điểm đón và hẹn P 30 phút đón P. Sau đó, P một mình ra đi xe khách lên thị trấn Yên Minh, lúc này M gọi điện thoại

cho P hẹn đến đầu thị trấn Yên Minh sẽ đón. Khi xe khách lên đến km 96 + 60 Quốc lộ 4C, thuộc tổ 8, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh là khoảng 09 giờ sáng, P xuống xe đã thấy M và Thành đứng ven đường đón. P xuống xe hỏi M: *"Cô C đâu?"*, M trả lời: *"Đang chờ ở Phó Bảng trước rồi"*. M thuê 02 xe ôm đến chở P, M và Thành đi đến Khu 2, thị trấn Phó Bảng. M thuê phòng số 6 để nghỉ ở nhà nghỉ Hoa Hồng. Lúc này, P hỏi M: *"Cô C đâu?"*, M trả lời: *"Đi trước rồi"*, P không nói gì. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 17/8/2015, M gọi P và Thành dậy rồi dẫn đi bộ theo đường mòn qua Mốc biên giới 393 thuộc thôn Tả Kha, thị trấn Phó Bảng, huyện Đồng Văn vượt biên sang Trung Quốc, đến 05 giờ sáng thì sang đến Trung Quốc. M đón xe khách đưa Thành và P đến Châu Vân Sơn, Trung Quốc thì Giàng Mí Quáng đến đón M, Thành, P đến nhà Quáng ở tỉnh Quảng Đông ở tại đó. Tại đây, P đòi M mua xe đạp điện và đòi về Việt Nam, M không đồng ý. Đến tháng 12/2015 (*không nhớ ngày*), M ép P lấy Thành, P chống đối thì bị quản lý chặt. Do P không biết tiếng Trung Quốc lại không biết địa chỉ nơi đang ở nên phải nghe lời làm vợ Thành, không chống đối M. Đến khoảng cuối tháng 8/2016 (*không nhớ ngày*), M phát hiện P lấy trộm tiền để bỏ trốn nên M đã chửi mắng, đánh P. M nhờ Giàng Thị Súa, sinh năm 1968 ở tỉnh Quảng Đông (*không rõ địa chỉ cụ thể*) là em họ của Giàng Mí Quáng giới thiệu để M bán P với giá 20.000 nhân dân tệ cho một người đàn ông khoảng 30 tuổi, dân tộc Hán, ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc (*không xác định được địa chỉ*).

Sau khi bán P, M chia cho Súa 5.000 nhân dân tệ, M gửi lại cho gia đình người dân tộc Hán mua P 5.000 nhân dân tệ, còn lại 10.000 nhân dân tệ M tiêu xài cá nhân hết. Đến năm 2019, P sinh được 01 con trai với người đàn ông dân tộc Hán. P được dùng điện thoại và cài ứng dụng Facebook để tìm cách liên lạc với người thân. P đã nói chuyện với chị Tới qua Messenger. P nói cho chị Tới biết việc P bị lừa đưa sang Trung Quốc bán. Sau đó, chị Tới đã chỉ cách cho P trốn ra ngoài và tìm đường về biên giới Việt Nam, nhưng do dịch Covid 19 nên đến năm 2022 P mới trốn được ra ngoài và tìm về Việt Nam qua đường mòn tỉnh Cao Bằng. Về đến nhà, P biết bố P là anh Giang đã chết. Do mặc cảm xấu hổ nên P chưa trình báo cơ quan chức năng giải quyết vụ việc. Đến ngày 19/11/2024, P làm đơn tố cáo hành vi của Vương Thị M và Vàng Thị C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang.

Tại thời điểm bị hại Bùi Thanh P, sinh ngày 16/11/2002 bị lừa sang Trung Quốc làm vợ Thành là ngày 17/8/2015, bị hại P được 12 năm 09 tháng 01 ngày tuổi. Thời điểm bị hại P bị bán cho người đàn ông dân tộc Hán vào cuối tháng 8/2016, bị hại được 13 năm 09 tháng tuổi.

Văn bản số 1362/HAG-THKT ngày 04/12/2024 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tỉ lệ tính chéo của đồng Việt Nam (VND) với Nhân dân tệ (CNY) tại thời điểm từ ngày 25/8/2016 đến ngày 31/8/2016 1 CNY = 3.288,55 VND. Theo đó số tiền 20.000 CNY x 3.288,55 VND = 65.770.000 đồng (làm tròn).

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số: 01/CT-VKSHG-P2 ngày 14/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Vương Thị M về tội "Mua

bán và chiếm đoạt trẻ em", bị cáo Vàng Thị C về tội "Chiếm đoạt trẻ em", quy định tại điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa các bị cáo xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu là đúng, không có ý kiến bổ sung thêm, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Bùi Thanh P có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: yêu cầu các bị cáo phải bồi thường danh dự, nhân phẩm cho bị hại tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

Các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu bị hại, tự xác định trách nhiệm mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vương Thị M phạm tội "Mua bán trẻ em" và tội "Chiếm đoạt trẻ em", bị cáo Vàng Thị C phạm tội "Chiếm đoạt trẻ em".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 153; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Vương Thị M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Vàng Thị C 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 17/02/2025.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Vương Thị M 07 năm đến 08 năm tù

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vương Thị M phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 09 năm đến 10 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/11/2024.

* *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vương Thị M, Vàng Thị C.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 587 và 592 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vương Thị M, Vàng Thị C có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Thanh P (có nhân thân như trên) số tiền là 50.000.000 đồng, trong đó, mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng. Khấu trừ số tiền hai bị cáo đã giao cho bị hại trực tiếp nhận tại phiên toà (mỗi bị cáo 20.000.000 đồng) và số tiền đã giao nộp tại Cục Thi hành

án dân sự tỉnh Hà Giang (mỗi bị cáo 5.000.000 đồng). Các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự. Chị P có quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang để nhận số tiền 5.000.000 đồng theo quy định.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy thu số tiền thu lời bất chính của bị cáo Vương Thị M là 10.000 nhân dân tệ, tương đương 32.885.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất quan điểm bào chữa: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại có ý kiến: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp và án phí: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị hại nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã xác nhận nội dung, diễn biến hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, không mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản xác định hiện trường; sơ đồ, bản ảnh xác định

hiện trường; phù hợp với kết quả nhận dạng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Vương Thị M nảy sinh ý định lừa cháu P đưa sang Trung Quốc để làm vợ của con trai mình là Thành nên đã bàn với chị gái mình là Vàng Thị C:*"Chị giúp em lừa cái P để em đưa nó sang Trung Quốc ở cùng cho thằng Thành lấy làm vợ"*. Ngày 17/8/2015, cháu Bùi Thanh P, (sinh ngày 16/11/2002) bị lừa sang Trung Quốc làm vợ Thành, khi đó cháu P được được 12 năm 09 tháng 01 ngày tuổi. Vào khoảng tháng 12/2015, khi bị ép lấy Thành, P chống đối và bị quản lý chặt. Do P không biết tiếng Trung Quốc lại không biết địa chỉ nơi đang ở nên phải nghe lời làm vợ Thành, không chống đối M. Do vậy hành vi của Vương Thị M, Vàng Thị C đồng phạm về tội "Chiếm đoạt trẻ em" theo điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, với tình tiết tăng nặng định khung "để đưa ra nước ngoài". Cần căn cứ vào Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 để cá thể hoá trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo. Trong đó, bị cáo M giữ vai trò chính, chủ mưu khởi xướng, bị cáo C giúp sức tích cực cho bị cáo M.

[4] Trong quá trình làm vợ Thành, P vẫn nung nấu ý định bỏ trốn nên đã có lần trộm tiền để bỏ trốn. Thấy P có biểu hiện như vậy nên đến cuối tháng 8/2016 (*không nhớ ngày*), M nhờ Giàng Thị Súa, sinh năm 1968 (*không rõ địa chỉ*) bán P với giá 20.000 nhân dân tệ cho một người đàn ông khoảng 30 tuổi, dân tộc Hán, ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc (*không xác định được địa chỉ*). Thời điểm bị hại P bị bán cho người đàn ông dân tộc Hán vào cuối tháng 8/2016, bị hại được 13 năm 09 tháng tuổi. Như vậy, sau khi cùng C thực hiện xong hành vi chiếm đoạt trẻ em, tội phạm đã hoàn thành (ngày 17/8/2015), cuối tháng 8/2016, M tiếp tục hành vi bán cháu P cho người khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về tội "Mua bán trẻ em" theo điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Đối với tội "Chiếm đoạt trẻ em": Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) quy định là tội ghép với hai hành vi khác là mua bán trẻ em và đánh tráo trẻ em, có khung hình phạt cao, điểm e khoản 2 có tình tiết tăng nặng định khung *"để đưa ra nước ngoài"* quy định khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tách hành vi thành một tội độc lập "Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi" theo Điều 153 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng định khung *"để đưa ra nước ngoài"*, cũng không có tình tiết định khung nào khác, nên hành vi của M, C thuộc trường hợp khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù. Do vậy, cần áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, áp dụng khung hình phạt từ 03 đến 07 năm tù.

[6] Đối với tội "Mua bán trẻ em": Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định tại Điều 151 tội "Mua bán người dưới 16 tuổi". Hành vi của M thuộc trường hợp điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Khung hình phạt theo khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự 1999

(sửa đổi bổ sung năm 2009) là 10 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; khung hình phạt theo khoản 2 Điều 151 Bộ luật hình sự 2015 từ 12 đến 20 năm. Do vậy, áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo, khung hình phạt là 10 năm đến 20 năm.

[7] Về tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo tại thời điểm phạm tội là đặc biệt nghiêm trọng (do chuyển biến của chính sách pháp luật hình sự, tại thời điểm xét xử, hành vi chiếm đoạt trẻ em (người dưới 16 tuổi) là nghiêm trọng). Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến danh dự, nhân phẩm và quyền con người được pháp luật bảo vệ, coi con người như hàng hóa để trao đổi, mua bán. Đặc biệt các bị cáo thực hiện tội phạm mua bán, chiếm đoạt đối với trẻ em - là đối tượng đặc biệt có quyền được quản lý, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ, quyền được sống trong môi trường đảm bảo sự phát triển đầy đủ. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, gây mất trật tự trị an tại địa P và gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình cho gia đình bị hại và trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Vương Thị M là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Vàng Thị C có nhân thân xấu, năm 1994 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 06 tháng tù theo Bản án số: 03/HSST ngày 29/4/1994 về tội "Xuất nhập cảnh trái phép hoặc ở lại nước ngoài trái phép" (đã chấp hành án xong).

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại tổng số tiền 10.000.000 đồng, tại phiên toà, tiếp tục nhờ người thân trả thêm toàn bộ khoản tiền bị hại yêu cầu là 40.000.000 đồng; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[11] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Vương Thị M giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng đối với tội *"Chiếm đoạt trẻ em"*, do vậy, cần buộc bị cáo chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C. Cần cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định, có như vậy mới có tác dụng răn đe riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị

cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm minh, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự tiến bộ. Đối với tội "Mua bán trẻ em", nay là tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", bị cáo Vương Thị M chịu trách nhiệm hình sự độc lập, cần chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, phù hợp với ý kiến của người bào chữa, bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, các bị cáo thống nhất thoả thuận được việc bồi thường cho bị hại. Cụ thể, hai bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, trong đó, mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng. Trước khi mở phiên toà, mỗi bị cáo đã nhờ người thân nộp 5.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; tại phiên toà, hai bị cáo tiếp tục nhờ người thân trả trực tiếp cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng (mỗi bị cáo 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 587 và 592 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thoả thuận này, buộc hai bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền như trên cho bị hại. Hai bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường đối với bị cáo. Đối với số tiền đã giao nộp trước khi mở phiên toà, bị hại có quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang để nhận số tiền này.

[14] Đối với số tiền thu được từ việc phạm tội là 20.000 Nhân dân tệ (CNY), trong đó có 5.000CNY bị cáo M chia cho Súa và gửi lại cho gia đình người dân tộc Hán mua P 5.000CNY, bị cáo còn được hưởng lợi 10.000 CNY. Số tiền 10.000 CNY xác định là khoản thu lợi bất chính do vậy cần tuyên truy thu sung ngân sách Nhà nước theo Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[15] Đối với Nguyễn Văn T, bị cáo Vương Thị M khai nhận không được bàn bạc, trao đổi hay thống nhất nội dung gì về việc lừa, đưa bị hại Bùi Thanh P sang Trung Quốc cũng như không tham gia gì về việc bán P cho người Trung Quốc mua về làm vợ. Nhưng Nguyễn Văn T có biết và được đi cùng M đưa P sang Trung Quốc và ép P làm vợ thành. Hiện nay, Thành đang sinh sống ở Trung Quốc (*chưa biết địa chỉ nơi ở cụ thể*). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã có Công văn số: 65/CSHS ngày 16/01/2025 gửi Vụ Hợp tác Quốc tế Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Công văn số: 147/CV-CSHS.Đ3 ngày 20/02/2025 gửi Cục Cảnh sát Hình sự (C02) và Cục Đối ngoại (V02) Bộ Công an về việc phối hợp xây dựng hàm thư gửi Công an Trung Quốc đề nghị xác minh đối tượng Nguyễn Văn T và trao trả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC02) Công an tỉnh Hà Giang để điều tra làm rõ vai trò trong vụ án, nhưng đến nay chưa có kết quả. Khi nào tiếp nhận đối tượng Thành từ phía Trung Quốc, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[16] Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Giàng Mí Quáng, là người đã đón Vương Thị M, Nguyễn Văn T và Bùi Thanh P đưa về nhà Quáng sinh sống và biết Vương Thị M bán Bùi Thanh P; Giàng Thị Súa là em họ Giàng Mí Quáng. Do các bị cáo và bị hại không xác định được địa chỉ cụ thể nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang sẽ tiếp tục xác minh làm rõ sau.

[17] Đối với người đàn ông dân tộc Hán ở tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc *(không xác định được nhân thân lai lịch)* có hành vi mua P về làm vợ. Do bị cáo, bị hại không biết được chính xác thông tin, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang không có căn cứ để xử lý.

[18] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do đó, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

[19] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vương Thị M phạm hai tội "Mua bán trẻ em" và "Chiếm đoạt trẻ em"; bị cáo Vàng Thị C phạm tội "Chiếm đoạt trẻ em".

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 153; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Vương Thị M 02 (hai) năm tù;

- Xử phạt bị cáo Vàng Thị C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 17/02/2025.

2.2. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Vương Thị M 07 (bảy) năm tù.

2.3. Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vương Thị M phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/11/2024.

** Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vương Thị M, Vàng Thị C.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 587 và 592 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Vương Thị M, Vàng Thị C có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Thanh P (có nhân thân như trên) số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), trong đó:

3.1. Bị cáo Vương Thị M phải bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã giao cho bị hại trực tiếp nhận tại phiên toà (theo giấy giao nhận tiền lập ngày 12/6/2025) và 5.000.000 đồng đã giao nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang (theo Biên lai thu tiền số 000325, ngày 05/5/2025). Bị cáo M đã trả đủ khoản tiền 25.000.000 đồng cho chị P. Chị P có quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang để nhận số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nói trên theo quy định.

3.2. Bị cáo Vàng Thị C phải bồi thường cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng đã giao cho bị hại trực tiếp nhận tại phiên toà (theo giấy giao nhận tiền lập ngày 12/6/2025) và 5.000.000 đồng đã giao nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang (theo Biên lai thu tiền số 000326, ngày 05/5/2025). Bị cáo C đã trả đủ khoản tiền 25.000.000 đồng cho chị P. Chị P có quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang để nhận số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nói trên theo quy định.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), truy thu số tiền thu lời bất chính của bị cáo Vương Thị M là 10.000 nhân dân tệ, tương đương 32.885.000 đồng (ba mươi hai triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) (làm tròn) để sung vào ngân sách Nhà nước (theo Văn bản số: 1362/HAG-THKT ngày 04/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo Vương Thị M, Vàng Thị C.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PC01, PC02, PCA09, PV06 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THA.DS tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm